

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG  
Số: 3022/2013/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2013.

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Giang

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 75/2012/TTLB-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc Ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông báo số 234/TB-UBND, ngày 29 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh về Kết luận Phiên họp UBND tỉnh tháng 10 năm 2013;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 262/TTr-STC, ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Báo cáo số 455/BC-ĐKT, ngày 02/12/2013 của Đoàn Kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 2554/QĐ-UBND, ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành mức giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Giang, tỉnh Hà giang cụ thể như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG TIÊU DÙNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	Sinh hoạt hộ gia đình (bao gồm cả nước sinh hoạt cấp cho các phòng trọ của hộ gia đình cho công chức, viên chức, học sinh sinh viên và người lao động thuê để ở); Học sinh, sinh viên ở nội trú các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề; Vệ sinh công cộng.	Đồng/m <sup>3</sup>	7.200
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Đồng/m <sup>3</sup>	14.000
3	Kinh doanh dịch vụ	Đồng/m <sup>3</sup>	23.000


Mức giá trên là giá bán trực tiếp cho các đối tượng tiêu dùng (đã bao gồm thuế môi trường, thuế Giá trị gia tăng và phí dịch vụ môi trường rừng).

Số .....488.....  
Ngày .....4.....tháng .....12.....năm 2013.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hà Giang; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Hà Giang; Thủ trưởng các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh HG;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP(KT,NN) UBND tỉnh;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư Pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như điều 3(thực hiện);
- Lưu: VT, CV: NN, KT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Bông**

CÔNG VĂN ĐẾN

Số .....  
Ngày ..... tháng ..... năm 2018.

### QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Giang

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điểm của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông báo kết luận số 311/TB-UBND ngày 24/12/2018 phiên họp UBND tỉnh tháng 12/2018;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 657/TTr-STC ngày 21/12/2018 và Báo cáo thẩm định số 340/BC-STP ngày 21/12/2018 của Sở Tư pháp,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh mức giá tiêu thụ nước sạch hộ gia đình quy định tại Điều 1, Quyết định số 3022/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang như sau: Từ 7.200 đồng/m<sup>3</sup> lên 7.800 đồng/m<sup>3</sup> (mức giá trên đã bao gồm 52 đồng/m<sup>3</sup> phí dịch vụ môi trường rừng và 5% thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm 10% phí bảo vệ môi trường đối với nước thải).



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế mức giá quy định tại mục 1 Điều 1 Quyết định số 3022/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành mức giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang; Chủ tịch, Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Hà Giang và thủ trưởng các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Như điều 3 (T/h);
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CV(KTTH2, KTN) *2*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*(Handwritten signature)*  
Nguyễn Văn Sơn